

Tìm hiểu về quân đội triều Nguyễn giai đoạn 1858-1884

• Nguyễn Trọng Minh

Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh TP. HCM

TÓM TẮT:

Khi phải đối diện với ngoại xâm, vai trò của lực lượng quân đội trở nên hết sức quan trọng, là nhân tố quyết định vận mệnh của đất nước. Trong tiến trình lịch sử dân tộc, giai đoạn 1858-1884 tương ứng với quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ I. Bài viết hướng tới

việc làm rõ những vấn đề về tổ chức; chế độ tuyển dụng và huấn luyện; khả năng chiến đấu của quân đội nhà Nguyễn. Từ đó giúp lý giải tại sao quân đội nhà Nguyễn lại thất bại trong việc cuộc chiến đấu chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp.

Từ khóa: quân đội, nhà Nguyễn

Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp nổ súng vào bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), mở màn cho cuộc xâm lăng nước ta lần thứ nhất. Lịch sử Việt Nam từ đây bước sang một giai đoạn mới - giai đoạn lịch sử cận đại mà chương đầu tiên của nó là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kéo dài từ 1858 đến 1884. Tuy nhiên, đối thủ mà chúng ta phải đương đầu là một đội quân Âu châu chứ không còn là những đội quân phong kiến phương Đông như trước đây. Cách thức tổ chức, tình trạng trang bị, phương thức tác chiến cùng khả năng chiến đấu của đội quân này là rất xa lạ đối với triều đình nhà Nguyễn lúc bấy giờ. Như bao lần bị xâm lăng trước, quân đội triều Nguyễn là công cụ chủ yếu của đất nước để chống lại quân xâm lược lúc bấy giờ.

1. Về tổ chức quân đội

Trong khoảng thời gian từ 1858 đến 1884, quân đội nhà Nguyễn về cơ bản được biên chế và tổ chức giống với thời kỳ trước (tức 1802-1858). Cấp tổ chức cao nhất trong quân đội nhà Nguyễn là cấp Doanh, cấp thấp nhất là Ngũ. Theo đó: Doanh gồm 5 vệ, đứng đầu là Đô thống (hàm Chánh nhị phẩm); Vệ có 10 đội, đứng đầu là Vệ úy (Chánh tam phẩm); Đội có 5 thập, đứng đầu là Cai đội (Tòng

ngũ phẩm); Thập có 2 ngũ, đứng đầu là Thập trưởng; cuối cùng là đến cấp Ngũ, được biên chế 5 người, do Ngũ trưởng chỉ huy¹.

Quân đội nhà Nguyễn thời kỳ này có các binh chủng: bộ binh, thủy binh, tượng binh, pháo binh. Trong đó, “*chỉ có bộ binh và thủy binh mới được coi là binh chủng đúng với ý nghĩa của nó. Nhà Nguyễn đã dồn cả tài sức để xây dựng hai binh chủng này trở thành hai binh chủng mạnh*”².

Lực lượng quân đội chính quy của nhà Nguyễn gồm hai bộ phận là *Vệ binh* và *Cơ binh*.

Vệ binh là lực lượng quân đội thường trực đóng tại kinh đô, có có nhiệm vụ chính là bảo vệ kinh thành Huế và hoàng tộc. Lực lượng này lại được phân thành 3 loại: *Thân binh*, *Cấm binh*, *Tinh binh*³.

¹ Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập V, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2013, tr.49

² Đỗ Văn Ninh, “Quân đội nhà Nguyễn”, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6 (271), 1993, tr.46

³ Theo đó:

- Thân binh là đội quân hầu cận của vua và bảo vệ cấm thành, gồm 1 doanh Vũ lâm (gồm 10 vệ hai dục tả hữu) cùng 4 vệ độc lập (Cấm y, Kim ngô, Loạn giá và Tuyền phong).

- Cấm binh đóng vai trò như một đội quân cơ động và bảo vệ kinh thành gồm 6 doanh (Thần cơ, Thần phong, Long vũ, Hồ uy, Hùng Nhục, Kỳ vũ) cùng một số vệ, đội độc lập khác như đội Thượng trà viện, Kim thương, Ngân thương, Giáo đường,

Vệ binh chủ yếu được tuyển lựa từ những trai tráng thuộc vùng “Trực Lệ”. Vùng “Trực lệ” được tổ chức theo nguyên tắc lấy Quảng Đức (nơi đặt kinh đô Huế) làm trung tâm rồi đặt cánh Hữu (gồm Quảng Bình, Quảng Trị) và cánh Tả (gồm Quảng Nam, Quảng Ngãi), sau đó sẽ gộp hai cánh Tả Hữu trên vào với Quảng Đức để hình thành nên vùng “Trực lệ” - tức là vùng trực tiếp lệ thuộc vào kinh đô. Do vậy nó còn tên gọi khác là “Trực kỳ” - tức trực thuộc kinh kỳ.

Cơ binh là lực lượng quân đội đóng giữ các trấn, tỉnh, phủ, huyện... Vì nguồn nhân sự phục vụ trong lực lượng là những binh lính được mộ tại địa phương nên lực lượng này còn được gọi là *biên binh* hay *mộ binh*. Cơ binh là lực lượng quân sự riêng của từng địa phương nhưng cũng có trường hợp lực lượng này trực thuộc quyền quản lý của các đơn vị quân đội triều đình.

Ngoài hai lực lượng chính là Vệ binh và Cơ binh, quân đội Nguyễn còn có lực lượng *lính trạm* (tức lính quân bưu, phục vụ trong các dịch trạm lo việc chuyển phát công văn giấy tờ) và *lính lệ* (lính để hầu hạ và sai phái của các quan lại ở phủ, huyện), phân bố rộng khắp cả nước.

Lực lượng thủy quân triều Nguyễn được chia làm 2 bộ phận, một bộ phận là lực lượng thủy quân đóng ở các địa phương ven biển, bộ phận còn lại ứng trực ở Kinh đô, được gọi là Kinh kỳ thủy sư. Lực lượng Kinh kỳ thủy sư “*ngang hàng với cấm binh, để phân biệt với các thủy sư ở ngoài các tỉnh. Còn ngôi thứ thì ở trước các vệ các cơ tinh binh*”⁴.

Nhà Nguyễn có một lực lượng tượng binh tương đối hùng hậu, tượng binh nhà Nguyễn được phân thành từng đội. Lực lượng pháo thủ binh cũng được

phiên chế thành các vệ (cơ), đội. Biên chế mỗi vệ pháo binh gồm 500 quân và trang bị 10 súng thần công, 200 súng điều sang; các đơn vị đội được biên chế 50 quân và 1 súng thần công. Đối với các đội, cơ pháo thủ binh thuộc lực lượng cơ binh của các tỉnh trực tiếp quản lý lệ thuộc doanh Thần cơ của triều đình về các mặt huấn luyện, trang bị vũ khí⁵.

Do tình hình đặc thù của đất nước lúc này là đang có chiến tranh, vậy nên trọng tâm mọi hoạt động của quân đội nhà Nguyễn trong thời kỳ này là nhằm phục vụ cho yêu cầu chiến tranh.

2. Về mặt lực lượng

Ngay sau khi nhận được tin cấp báo về việc Pháp nổ súng đánh vào Đà Nẵng, vua Tự Đức đã cấp tốc xuống chiếu sai Lê Đình Lý lĩnh chức Thống soái và Phan Khắc Thuận lãnh chức Tham tán quân vụ, cùng với Vệ uý là Lê Xuân, Nguyễn Nhân, Trương Linh, Tôn Thất Ân, Tôn Thất Chung, Hiệp quân là Bùi Ân, Nguyễn Huy, Hồ Ba đem 2.000 quân Cấm binh đi tăng cường cho lực lượng đang trấn giữ ở Đà Nẵng⁶.

Mặc dù chiến sự diễn ra cách kinh thành Huế không xa nhưng triều đình nhà Nguyễn chỉ có thể điều động được khoảng 2.000 quân tăng cường cho mặt trận Đà Nẵng. Điều đó cho thấy sự thiếu hụt nghiêm trọng về mặt lực lượng của quân đội nhà Nguyễn trong suốt cuộc chiến với Pháp như chính sử sách của triều Nguyễn đã thừa nhận: “*Năm 1881, các hạm biên binh thủy bộ ở Kinh thiếu ngạch rất nhiều, trừ vệ Tả dinh Long võ ra, hiện thiếu 5.048 người*”⁷. Bàn về vấn đề này, giáo sư Trần Văn Giàu đã nhận xét: “*quân lính chính quy dưới thời Tự Đức chỉ có hơn 1 vạn thôi... Dưới thời Thiệu Trị, để đàn áp một cuộc khởi nghĩa ở vùng Thất Sơn trong Hậu Giang, triều đình phải phái đến gần 5.000 quân,*

Thượng thiện, Tài hoa, thự Hòa thanh; vệ Nội thủy, viện Thượng tứ, các vệ Kinh tượng...

- Tinh binh gồm các vệ ngũ quân, Thủy quân, Hộ lãng, Giám thành, Vong thành, các đội Kiên, các đội Sai, các Dục, đội Lý thiện, các đội của các ty, các đội Tuần bạc, Tân sai, các đội thuộc phủ đệ, thuộc binh các nha ở Kinh, như Thanh bình, Ngự hộ, các vệ cơ đội các trấn thành, lính kho, lính trạm, thuộc binh các nha ở ngoài.

⁴ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập IX*, Viện sử học dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr.119

⁵ http: www.mod.gov.vn - Cổng điện tử Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam/ Lịch sử - truyền thống/ LLVT qua các thời kỳ/ Lực lượng vũ trang nhà Nguyễn

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VII*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2007, tr.567

⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2007, tr.505

còn đến thời Tự Đức khi Pháp đánh Đà Nẵng, gần kinh thành mà triều đình không thể gài nổi số quân đó”⁸. Để khắc phục tình trạng trên, năm 1859, vua Tự Đức đã xuống lệnh sai các dinh tuyển quân lính tình nguyện để bổ sung vào lực lượng đánh giặc⁹.

Về số lượng, theo chính sử nhà Nguyễn thì vào năm 1881, chỉ riêng lực lượng biên binh các hạng do triều đình quản lý tổng cộng có hơn 16.600 người¹⁰. Còn theo ghi nhận của tướng Pháp de Courcy trong thời gian Pháp xâm đánh Việt Nam, năm 1885, quân đội chính qui “An Nam” có vào khoảng 70.000 người, trong số đó 12 ngàn tuyển mộ từ các vùng quanh kinh thành Huế¹¹. Tuy có giảm so với trước nhưng quy mô quân đội dưới triều Tự Đức nếu đem so sánh với các nước lân bang vẫn là khá lớn.

Chế độ tuyển dụng và huấn luyện binh lính

Dù đứng trước muôn vàn khó khăn, tuy nhiên công tác tuyển chọn binh lính vẫn được nhà Nguyễn rất xem trọng theo tinh thần: “*Binh lính là để giữ nước, quý về khỏe mạnh mà tinh nhanh, tài giỏi lại càng quý*”¹². Để củng cố lại tổ chức quân đội, triều Nguyễn đề ra quy định: “*Binh đình người nào là hạng tuyển thì giao về vệ, cơ, đội, ngũ cũ; người nào là hạng mộ thì dồn vào các vệ lính mộ. Vũ sinh ở Kinh, các lính mộ dồn trước ấy và dân xin thi vào thì dồn vào vệ Tuyển phong, nhưng nghiêm sức cho thượng ty và quản suất ở Kinh và tỉnh ngoài đều phải chăm chỉ huấn luyện*”¹³. Phép thi tuyển quân lính vẫn được giữ theo lệ cũ, tức chủ yếu căn cứ

theo tầm vóc và sức mạnh. Ai xách quả tạ nặng 100 cân bằng một tay đi được 30 trượng thì xếp hạng ưu; đi 24 trượng thì hạng thứ ưu; đi 20 trượng thì hạng bình; 16 trượng là hạng thứ bình; 10 trượng là hạng thứ¹⁴.

Khi quân Pháp vào Gia Định, khả năng tổ chức và chiến đấu của quân đội nhà Nguyễn lại càng bộc lộ sự yếu kém so với lúc còn ở Đà Nẵng. Quân đội triều đình liên tiếp bại trận, nạn rã ngũ trong quân đội ngày càng phổ biến. Trước tình hình đó, vua Tự Đức phải xuống dụ trấn chỉnh lại tình hình quân đội ở nơi đây. *định lệ xử tội quân lính đào ngũ*. Theo đó, “*lính mới trốn 1 lần bắt được thì dùi thủng dái tai, lấy tên nó cắm vào, đem đi rêu rao các dinh; lại đánh ngay 100 trượng, vẫn sung vào đội ngũ cũ. Trốn đến lần thứ 2, bắt được thì lập tức chém ngay. Nếu biết tự thú, thì lần đầu tha tội; lần thứ 2 đánh trượng cắm tên nó vào dái tai, đem rêu rao các dinh; lần thứ 3 thì chém. Bọn quản suất ấy kiểm thúc không nghiêm ngặt, đều theo tội nặng nhẹ mà trị tội*”¹⁵.

Nhằm giúp nâng chất cho lực lượng thủy binh, tháng 11 năm 1865, nhà Nguyễn cho định điều lệ về mộ và huấn luyện thủy binh. Theo đó, “*trích lấy trong số lính thủy trong Kinh và ngoài các tỉnh và dân ở ven sông biển mà mạnh khỏe am hiểu nghề thủy, cứ 100 người chọn lấy 30 người, dồn thành vệ, đội, miễn cho công tác; chọn ai tài cán được việc, quen thạo đường thủy, đánh nhau ở mặt nước cho làm quản suất, để huấn luyện các phương pháp chèo thuyền bẻ lái, lặn xuống nước, xem gió, đánh nhau ở mặt nước và các nghề võ như : bắn súng điều sang, múa khiên, dao, giáo, mác, đâm người rơm v.v. hằng năm, đến tháng mạnh đông, ở trong Kinh do bộ Binh và Đô sát, Thủy sư, ở ngoài do tỉnh thần, lãnh binh hội lại sát hạch, chia ra từng hạng.*

⁸ Trần Văn Giàu, *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước 1858 (sơ khảo)*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1958, tr.49

⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VII*, sdd, tr.572

¹⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.456

¹¹ Karl Hack and Tobias Rettig, *Colonial Armies in Southeast Asia*, New York: Routledge, 2006, tr.133

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.5

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.6

¹⁴ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập IX*, sdd, tr.119

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VII*, sdd, tr.619

Hạng ưu nếu gặp việc sai phái bắt giặc”¹⁶. Năm 1878, triều đình lại xuống chiếu tìm người tài giỏi để bổ vào quân đội, chiếu viết: “Ở Kinh và tỉnh ngoài nếu có người vẫn giảng binh thư, dững cảm biết phương lược, hoặc bắn giỏi, võ nghệ thuộc, hoặc tài lực hơn người, mang nặng đi được xa hoặc quen chế các thứ súng đạn, không cứ là đã ghi tên vào sổ quân, sổ dân hay chưa, cho thượng ty các tỉnh ấy sát hạch, tổng giao bộ Binh xét lại, đề tâu lên để đợi Chỉ lực dụng, có người tình nguyện ở lại để thi võ cử, cũng chuẩn cho thượng ty xét thực, cho vào thi”¹⁷.

Để khuyến khích tinh thần hăng hái tham gia đánh giặc của quân đội, tháng 9 năm 1865, triều đình nhà Nguyễn định lệ tập ấm cho con cháu các võ quan chết trận vì việc nước, cụ thể như sau: *“Hàm từ chánh nhất phẩm đến chánh nhị phẩm được 2 người; tòng nhị phẩm đến chánh tam phẩm, được 1 người, nhưng không cứ là dòng dõi con trưởng, con thứ, người nào sức vóc khoẻ mạnh, đều cho biên vào sổ anh danh. Cháu tằng [chắt] của chánh nhất phẩm đến tòng nhị phẩm, đều 1 người, cho bổ vào binh Giáo đường, chiếu lệ cấp lương, để theo học tập”¹⁸. Đến năm 1874, nhà Nguyễn cho định lại lệ truy tặng và cấp tiền tuất cho những binh sĩ đi đánh trận bị hy sinh: “Phàm những người đi đánh bắt giặc nước Thanh, giặc Mán, giặc Thổ và giặc biển (dưới cũng vậy), người nào hăng hái tiến lên trước được thắng trận mà bị chết, người có thực hàm thì chiếu lệ trước gia tặng 2 trật chiếu hàm được truy tặng cấp tiền tuất gấp hai”¹⁹.*

Năm 1875, sau cuộc tiến công ra Bắc lần thứ nhất của giặc Pháp, để tăng khả phòng giữ và bảo đảm trị an cho các tỉnh phía Bắc, triều đình Tự Đức đã cho định lại lệ lính thú, theo đó: *“trích thêm 2 vệ*

ở Nghệ An hợp với 4 vệ phái đi đóng trước, cộng 6 vệ, chia đóng ở Hà Nội (2 vệ), Hưng Yên (nửa vệ), Sơn Tây (2 vệ), Nam Định (1 vệ rưỡi). Trích thêm 2 vệ ở Thanh Hóa hợp với 2 vệ đi đóng trước cộng 4 vệ, chia đóng ở Hải Dương (2 vệ), Bắc Ninh (2 vệ). Trích 1 vệ ở Hà Tĩnh phái đóng ở Ninh Bình (lệ cũ phải đóng có nửa vệ). Vẫn lấy 1 vệ ở Nam Định đóng ở Hà Tĩnh; Hà Nội, Sơn Tây mỗi tỉnh 1 vệ đóng ở Nghệ An; Hải Dương, Bắc Ninh mỗi tỉnh 1 vệ đóng ở Thanh Hóa ; Ninh Bình 1 vệ đóng ở Quảng Yên”²⁰.

Nhằm giảm thiểu nạn trốn tránh quân dịch trong lúc đất nước đang có chiến tranh, triều Nguyễn đã cho định lại hình phạt đối với những đối tượng vi phạm, cụ thể như sau: *“Lệ cũ trừ ngạch phải chịu thuế, nay chiếu theo lệ giảm binh trốn tránh, lần đầu bắt được thì phạt 90 trượng, phạm lần thứ hai thì đóng gông bêu 3 tháng, đánh 100 trượng, đều phải sung ngũ, phạm lần thứ ba thì phải giáo giam hậu ; trong hạn thú thì phạm lần đầu được tha tội, phạm lần thứ hai phạt 80 trượng, phạm lần thứ ba đóng gông đeo 2 tháng, phạt 100 trượng, đều phải sung ngũ, phạm lần thứ tư thì giáo giam hậu. Liệ u giảm 1 bậc để cho biết sợ chừa”²¹. Để giảm bớt những mệt nhọc, tránh tình trạng vì thời hạn phục vụ binh dịch quá lâu mà bỏ ngũ; năm 1877, vua Tự Đức cho định lại lệ nghỉ ngơi cho quân đi đánh giặc trở về. Lệ quy định như sau: “Quân đi đánh giặc, lệ trước được nghỉ 1 tháng, nay không cứ đường sá xa hay gần, 5 - 6 năm cho hạn nghỉ 3 tháng; 3 - 4 năm 2 tháng; 1 - 2 năm 1 tháng, trừ những ngày đi về ra... Các quân hằng năm cứ vào kỳ tháng 7 thì chia ban lần lượt đổi nhau nghỉ ngơi, đến tháng giêng năm sau, phải họp cả lại”²².*

Nhìn chung, nhà Nguyễn đã có nhiều nỗ lực trong việc tuyển dụng và huấn luyện binh lính, đề ra

¹⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VII*, sdd, tr.970

¹⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.271.

¹⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VII*, sdd, tr.951.

¹⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.29

²⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.142

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.142-143

²² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.241

những chế tài để khuyến khích tinh thần hăng hái tham gia đánh giặc của quân đội. Mục đích hướng tới là để nâng cao khả năng chiến đấu cho quân đội. Tuy nhiên, hiệu quả mang lại từ những nỗ lực trên là rất hạn chế mà chúng ta sẽ tìm hiểu rõ trong mục tiếp sau.

4. Khả năng chiến đấu

Khi xảy ra chiến tranh, khả năng chiến đấu của quân đội là nhân tố cơ bản quyết định cục diện của chiến tranh. Trong chiến trận, sức chiến đấu của quân đội lại phụ thuộc rất nhiều vào hai yếu tố là *trang bị* và *tinh thần chiến đấu của binh sĩ*.

Về *trang bị trong quân đội*, triều thần nhà Nguyễn cho rằng: “*việc binh có súng ống, có thể mạnh thế quân mà đánh giặc từ đằng xa*”²³. Xuất phát từ nhận thức trên, vua Tự Đức đã dụ cho Bộ binh rằng: “*Hiện nay việc binh rất là trọng yếu, mà súng ống lại là đồ dùng cho việc binh trước nhất, nên trước hết phải luyện tập cho đều tinh thạo, khi cần đến mới mong được việc, nếu có sai phái, cung liệu để lại học tập, đâu có thể ủy cho việc nhiều mà bỏ không luyện tập được... phạm tất cả những đồ để chống giữ và các thứ võ nghệ quân ta luyện tập, nên cần phải sửa sang ngay, cốt được vững bền thông thạo, để phòng khi hoãn cấp dùng đến, không phải xác định dùng khiên, mộc, gươm ngắn, tay thước làm gì*”²⁴. Nhận thức là như vậy, tuy nhiên trên thực tế, trang bị của quân đội triều Nguyễn khi đương đầu với quân Pháp lại hết sức tồi tàn và lạc hậu. Giáo sư Trần Văn Giàu đã mô tả về tình trạng quân bị dưới thời Tự Đức như sau: “*Pháo thì nhiều mà chỉ là súng đồng, súng gang lòng lán, nạp tiền, bắn ít khi trúng, trúng ít khi nổ (hầu hết đạn không thuốc, bắn như bắn đá)*”²⁵; *đại bác lớn thì triều đình*

phong chức, tôn thần, khi bắn phải cúng tế, khi “ôm” phải đổ thuốc! Đại bác vừa thì kêu to mà không đánh đắm được tàu nào, để trong thành khi giặc tới thì khuôn đi không nổi, không kịp... Súng bộ binh thì ít lắm, phần lớn hãy còn dùng gươm giáo như ngày xưa... Đó là chưa kể rằng thường không biết phép giữ (tức bảo quản) súng đạn và thuốc. Bọn Pháp biết rõ tình trạng ấy cho nên khi đánh ba tỉnh miền Tây thì chúng có tính rằng mùa mưa lợi cho chúng ở hai chỗ nước nhiều tàu dễ đi, và hễ trời ẩm ướt thì súng đạn của quân Nam không đáng sợ. Binh công xưởng thì khi làm khi nghỉ, có việc mới đào hầm đồng, hầm gang lên đúc súng làm đạn, đạn đại bác bắn không nổ thì chất đóng bằng 5, 7 trăm viên lớn ở đèo Hải Vân, chờ địch đến thì lăn xuống như lăn đá”²⁶. Để khắc phục tình trạng trên, về sau vua Tự Đức đã cho mua thêm súng từ bên ngoài. Tuy nhiên, do việc yếu kém về trình độ khoa học kỹ thuật cùng với sự hạn chế trong bang giao quốc tế, đại đa số những loại vũ khí mà triều Tự Đức mua về là loại cũ, hiệu năng chiến đấu kém. Một người Pháp là Ph. Aude, một y sĩ trong quân đội Pháp đã nhận xét về tình trạng quân dụng trong quân đội thời Tự Đức như sau: “*Vũ khí của người Nam dùng có nhiều loại khác nhau. Súng thì có những loại đại bác đủ cỡ mà phần nhiều là loại nhỏ, những súng trường miệng loa, những bích kích pháo, súng đá mang nhãn hiệu của xưởng Saint Étienne và chính là kiểu súng của quân đội Pháp trước năm 1830, tức là trước khi có sự thay đổi vũ khí. Hình như có một người nào đó đã mua lại tất cả những loại súng trường phế thải và đem bán cho người Nam*”²⁷.

Trước sự thua kém của lực lượng thủy binh triều đình trước lực lượng hải quân Pháp, vua Tự Đức

²³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.485

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, sdd, tr.135, 485

²⁵ Về viết tình trạng này, trong sách *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến Việt Nam*, Giáo sư Trần Văn Giàu cho biết thêm: “*Đại bác ở các thành thì khá nhiều nhưng bắn gần, ít trúng, đạn là những cục gang hay cục đá, trúng ai chết nấy, không nổ, không chết người bên cạnh*”. Xem trong Trần Văn Giàu, *Sự*

khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước 1858, sdd, tr.51

²⁶ Trần Văn Giàu *Chống xâm lăng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr.52

²⁷ Vĩnh Hồ, “*Tổ chức quân đội và vũ khí quân dụng của Việt Nam dưới triều Nguyễn*”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 7(43), 1989, tr.64

cùng các triều thần tỏ ra hết sức lo lắng. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn của đất nước nên triều đình Tự Đức không thể tổ chức đóng thuyền máy trang bị cho thủy quân giống như dưới triều Minh Mạng. Để bổ khuyết cho điều đó, Tự Đức đã cho đặt mua tàu thủy của Pháp để giúp tăng cường khả năng chiến đấu cho lực lượng thủy quân. Tổng cộng đã có 3 chiếc tàu máy của Pháp đã được mua về là Thuận Tiệp (mua năm 1866), Đăng Huy (mua năm 1870) và Viễn Thông (mua năm 1872)²⁸. Tuy nhiên, những cố gắng đó không đủ khỏa lấp đi sự yếu kém của lực lượng thủy quân triều Tự Đức trước những hạm đội tàu chiến hiện đại của Pháp.

Trang bị vũ khí lạc hậu, công tác bảo quản vũ khí lại kém khiến súng ri, đạn âm là chuyện bình thường. Điều đó tác động xấu nghiêm trọng đến khả năng chiến đấu của quân đội triều Nguyễn như giáo sư Trần Văn Giàu đã nhận xét: *“Trước kẻ thù xâm lược phương Tây, tình trạng tổ chức huấn luyện và trang bị quá lạc hậu này là một biểu hiện của sự mục nát, khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn. Quân đội là cái xương sống của chế độ; quân đội là cái áo giáp của đất nước; ấy thế mà từ Gia Long tới Tự Đức, quân đội ta cứ giảm sút về số và về chất trong khi kẻ địch bên ngoài lại càng ngày càng tiến bộ về kỹ thuật”*²⁹.

Sự khủng hoảng về nhiều mặt của tình hình đất nước; chế độ lương bổng, đãi ngộ thấp, thậm chí còn hay bị cắt xén đã khiến *tinh thần chiến đấu của binh lính* dưới thời Tự Đức bị suy giảm nghiêm trọng. Thực trạng đó đã khiến Thượng thư Bộ hộ, Cơ mật viện đại thần Phạm Phú Thứ phải than rằng: *“Quân sĩ hèn nhất là do Chưởng quan vô năng và cũng vô quyền...; quân sĩ thì nhiều người lại không có lương bổng, rất là đói khổ, họ phải tìm cách giúp đỡ lẫn nhau chứ không trông mong gì vào gạo trong kho. Quan võ thì thường than thở rằng mình hết sức trông giữ biên cương, rủi có chết đi thì chỉ*

*có thiệt mình chứ công trạng nào có ai nghĩ đến”*³⁰. Do đó, dưới triều Tự Đức, nạn bỏ ngũ diễn ra khá phổ biến đến chính vua Tự Đức phải thừa nhận: *“Diễn binh theo lệ, có phải người giải, là vì quân lính quen trốn nhiều, cho nên có người kiểm chế để giữ. Nhưng ngày thường, thiếu sự chọn cấp công bằng, bồi dưỡng yên ủi để cho vui lòng quên khó nhọc..., nên thường để cho trốn, đến nỗi phải phải người giải đi giống như người có tội, cũng chẳng qua là tạm giữ, rốt cục cũng không thể khiến cho không trốn được. Lại thêm bán để lấy tiền, xét xử công, tư cùng khổ, sau vẫn vô ích, pháp luật đều như thế, không xét tận gốc, khiến cho biết thẹn mà đổi”*³¹.

Nhận xét, đánh giá và những bài học kinh nghiệm

Khoảng thời gian từ 1858 đến 1884 là giai đoạn mà vận mệnh đất nước bị đe dọa trước “con bão” ngoại xâm đang kéo đến. Trong bối cảnh đó, vai trò của lực lượng quân đội trở nên hết sức quan trọng. Tuy nhiên, so với những giai đoạn trước đó, tiềm lực cùng khả năng chiến đấu của quân đội nhà Nguyễn đã bị suy giảm nghiêm trọng. Thực trạng trên ít nhiều đã được vua quan triều Nguyễn nhận thức được và đã đề ra những giải pháp nhằm khắc phục những yếu điểm mà quân đội nhà Nguyễn mắc phải. Nhiều giải pháp đã cho thấy tính đúng đắn của nó, giúp tăng khả năng chiến đấu cho quân đội nhà Nguyễn. Trong một chừng mực nhất định, quân đội nhà Nguyễn thời kỳ này vẫn duy trì được tinh thần tổ chức như dưới thời Gia Long, Minh Mạng, tức lấy phương Tây làm kiểu mẫu cho việc tổ chức quân đội, chú trọng yếu tố tinh nhuệ của quân đội như vua Tự Đức đã từng khẳng định: *“Binh lính là để giữ nước, quý về khỏe mạnh mà tinh nhanh, tài giỏi lại càng quý”*. Cơ cấu tổ chức, phiên chế của quân đội nhà Nguyễn cũng cho thấy tính hợp lý cao của nó nếu đặt trong bối cảnh của tình hình đất

²⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VII*, sdd, tr.998, 1225, 1354
²⁹ Trần Văn Giàu, *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước 1858 (sơ khảo)*, sdd, tr.53

³⁰ Trần Văn Giàu, *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước 1858 (sơ khảo)*, sdd, tr.56
³¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, tr.140

nước đương thời. Nhờ đó, quân đội nhà Nguyễn ở một số thời điểm nhất định đã chiến đấu rất kiên cường, anh dũng, cản được bước tiến của kẻ thù, khiến chúng phải mất tới 26 năm mới hoàn thành được mục tiêu đề ra. Đó là một nét tích cực không thể phủ nhận của quân đội nhà Nguyễn trong giai đoạn này.

Dẫu vậy, những nét tích cực đó là chưa đủ để khóa lấp đi những yếu kém và hạn chế mà quân đội nhà Nguyễn còn mắc phải như chúng ta đã phân tích ở phần trên. Xét trên góc độ bảo vệ đất nước trước họa ngoại xâm, quân đội nhà Nguyễn đã không đáp ứng được yêu cầu lịch sử này, từng bước rơi vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu. Vậy nên, trong cuộc chiến tranh với nước Pháp, càng về sau quân đội triều Nguyễn càng rơi vào thế bị động và bị khuất phục vào năm 1884.

Thất bại của quân đội nhà Nguyễn trong việc bảo vệ nền độc lập của đất nước trước họa ngoại xâm đã để lại cho chúng ta những *kinh nghiệm quý báu* trong công tác xây dựng lực lượng quân đội hiện nay. Sự thất bại đó khởi nguồn từ việc quan điểm khoa học quân sự của vua quan nhà Nguyễn không hề vượt quá khuôn khổ của khoa học quân sự phong kiến, trong lúc quan điểm khoa học quân sự phong kiến đã bộc lộ nhiều hạn chế và bất cập nếu đem so sánh với các học thuyết quân sự phương Tây đương thời. Việc hạn chế trong nhận thức, chậm tiếp thu, cập nhật cái mới đã khiến đường lối chỉ đạo và tổ chức chiến tranh của quân đội triều Nguyễn phạm phải nhiều sai lầm. Ngày nay, tình

hình quân sự thế giới luôn có những biến động và thay đổi nhanh chóng, kèm theo đó là sự ra đời của hàng loạt học thuyết, kiến thức quân sự mới. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải không ngừng học tập, tìm tòi cái mới, cập nhật nhanh chóng những học thuyết, kiến thức quân sự mới trên thế giới để làm cơ sở xây dựng nên học thuyết, đường lối quân sự phù hợp với tình hình đất nước trong thời kỳ mới.

Bên cạnh đó, việc không bắt kịp với thành tựu mới của khoa học quân sự phương Tây dưới thời Tự Đức khiến quân đội nhà Nguyễn bị lạc hậu nghiêm trọng, dẫn đến những bất lợi và cuối cùng là thất bại khi đương đầu với quân xâm lược Pháp. Do đó, việc nắm bắt, cập nhật, từng bước làm chủ những thành tựu, công nghệ khoa học quân sự tiên tiến trên thế giới là một yêu cầu hết sức quan trọng trong chiến tranh hiện đại ngày nay.

Bên cạnh yếu tố tinh thần, chế độ đãi ngộ cũng là một yếu tố quan trọng quyết định đến khả năng chiến đấu của quân đội. Việc thiếu những cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp đã khiến khả năng chiến đấu của quân đội nhà Nguyễn thời Tự Đức bị suy giảm đáng kể. Vậy nên, việc xây dựng một chế độ đãi ngộ hợp lý, đảm bảo hài hòa yếu tố kinh tế và quốc phòng là rất cần thiết để nâng cao khả năng chiến đấu của quân đội.

Những kinh nghiệm mà quân đội nhà Nguyễn thời Tự Đức để lại là hết sức quý báu để chúng ta tránh lại lặp lại những sai lầm đã xảy ra trong công tác xây dựng lực lượng quân đội hiện nay.

Learning about Nguyen dynasty military in the 1858-1884 period

- **Nguyen Trong Minh**

War Remnants Museum

ABSTRACT:

When a country faces invaders, the role of its military forces becomes extremely important as it decides the fate of the country. In the 1858-1884 period, the French invaded Vietnam for the first time. The paper aims to clarify the

army Nguyen’s organizational issues, mode of recruitment and training, and combat capability. Thence, the paper will help to explain why the Nguyen army failed to defeat the invasion of the French.

Keywords: Army, Nguyen Dynasty

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Trần Văn Giàu (1958), *Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến nhà Nguyễn trước 1858 (sơ khảo)*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

[2]. Trần Văn Giàu (2001), *Chống xâm lăng*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Vĩnh Hồ (1989), “Tổ chức quân đội và vũ khí quân dụng của Việt Nam dưới triều Nguyễn”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, số 7(43).

[4]. Karl Hack and Tobias Rettig (2006), *Colonial Armies in Southeast Asia*, New York: Routledge.

[5]. Đỗ Văn Ninh (1993), “Quân đội nhà Nguyễn”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (271).

[6]. Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại*

Nam hội điển sự lệ, tập IX, Viện sử học dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

[7]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập II, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.

[8]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập VII, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.

[9]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập VIII, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.

[10]. Viện Sử học (2013), *Lịch sử Việt Nam*, tập V, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[11]. [http: www.mod.gov.vn](http://www.mod.gov.vn) - Cổng điện tử Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam/ Lịch sử - truyền thống/ LLVT qua các thời kỳ/ Lực lượng vũ trang nhà Nguyễn.

Trang 44